

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP K

TÊN MÔN HỌC:	ĐỒ ÁN NỀN & MÓNG
M? MÔN H OC :	CIE-324

HỌC KỲ	6
TÍN CHỈ	1
LẦN THI	2

Ngày thi: 05/05/2013

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15		30							55		100
1	142211301	NGUYỄN ANH	TUẤN	K16XCD1	0		0						LP	0.0	Khăng	
2	151214579	NGUYỄN NGỌC	THOAN	K16XCD1	4		4						4	4.0	Bầu	
3	151216130	NGUYỄN TIẾN	HUY	K16XCD1	10		5						5.5	6.0	Sầu	
4	161156390	LÊ VIỆT	NY	K16XCD1	4		4						LP	0.0	Khăng	
5	161215090	TRƯƠNG VĂN	CHÂU	K16XCD1	7		4						LP	0.0	Khăng	
6	161215108	NGÔ HOÀNG	DUY	K16XCD1	5		5						LP	0.0	Khăng	
7	161215110	PHẠM	GIANG	K16XCD1	0		0						V	0.0	Khăng	
8	161215111	HOÀNG	HẢI	K16XCD1	7		4						4	4.5	Bầu pháp Nam	
9	161215120	LÊ NGỌC	HOÀNG	K16XCD1	4		4						LP	0.0	Khăng	
10	161215141	NGUYỄN VĂN	LONG	K16XCD1	4		4						4	4.0	Bầu	
11	161215156	NGUYỄN QUỐC	PHƯỚC	K16XCD1	4		4						LP	0.0	Khăng	
12	161215173	TRẦN VĂN	TÀI	K16XCD1	5		4						LP	0.0	Khăng	
13	161215203	NGÔ VĂN	TUẤN	K16XCD1	4		4						LP	0.0	Khăng	
14	161215206	PHAN HỒ QUỐC	TUẤN	K16XCD1	7		5.5						4	4.9	Bầu pháp Chên	
15	161217068	ĐẶNG BẢO	KHIẾT	K16XCD1	6		5						6	5.7	Nằm pháp Bay	
16	161217210	NGUYỄN PHÙNG MINH	HUY	K16XCD1	0		0						LP	0.0	Khăng	
17	161217484	HUỖNH DUY	PHƯƠNG	K16XCD1	10		5						LP	0.0	Khăng	
18	161217594	PHAN VĂN	NHẤT	K16XCD1	10		5						5	5.8	Nằm pháp Tầm	
19	161217669	ĐINH HOÀNG	VIỆT	K16XCD1	0		0						LP	0.0	Khăng	
20	162257255	TRẦN THANH	HÙNG	K16XCD1	10		5						6	6.3	Sầu pháp Ba	
21	162257349	PHAN NGỌC	CƯỜNG	K16XCD1	10		5						5.5	6.0	Sầu	
22	161215080	TRẦN HÙNG	ANH	K16XCD2	0		0						LP	0.0	Khăng	
23	161215093	NGUYỄN ĐÔNG	DẮC	K16XCD2	4		4						4	4.0	Bầu	
24	161215097	TRỊNH QUỐC	ĐẠT	K16XCD2	4		4						LP	0.0	Khăng	
25	161215103	TRƯƠNG ĐỨC	ĐỨC	K16XCD2	7		5						LP	0.0	Khăng	
26	161215105	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	K16XCD2	10		6						6	6.6	Sầu pháp Sầu	
27	161215126	HUỖNH KIM	HÙNG	K16XCD2	0		0						LP	0.0	Khăng	
28	161215135	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	K16XCD2	7		5						LP	0.0	Khăng	
29	161215137	LÊ ANH	KHOA	K16XCD2	10		5.5						5.5	6.2	Sầu pháp Hai	
30	161215143	NGUYỄN Đ?NH	LONG	K16XCD2	4		4						LP	0.0	Khăng	
31	161215148	NGUYỄN QUANG	NGUYỄN	K16XCD2	4		4						LP	0.0	Khăng	
32	161215150	TRẦN THANH	NHÂN	K16XCD2	4		4						LP	0.0	Khăng	
33	161215163	PHẠM HÀO	QUANG	K16XCD2	7		5.5						5	5.5	Nằm pháp Nam	
34	161215171	V? CÔNG	SƠN	K16XCD2	4		4						LP	0.0	Khăng	
35	161215177	V? DUY	THÁI	K16XCD2	0		0						LP	0.0	Khăng	
36	161215181	ĐẶNG CÔNG	THÀNH	K16XCD2	10		5.5						5.5	6.2	Sầu pháp Hai	
37	161215198	PHẠM TRẦN XUÂN	TRUNG	K16XCD2	10		5.5						5.5	6.2	Sầu pháp Hai	
38	161215200	PHẠM KHẮC	TRƯỜNG	K16XCD2	4		4						LP	0.0	Khăng	
39	161215204	NGUYỄN MINH	TUẤN	K16XCD2	10		5						5.5	6.0	Sầu	
40	161215209	LÊ	TUẤN	K16XCD2	10		5						LP	0.0	Khăng	

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
41	161215213	PHẠM MINH	TUỜNG	K16XCD2	7		5						LP	0.0	Khăng		
42	161216888	NGUYỄN VĂN	MINH	K16XCD2	4		4						V	0.0	Khăng		
43	161217209	NGUYỄN TRẦN QUỐC	ĐÔNG	K16XCD2	4		4						LP	0.0	Khăng		
44	161217211	HÀ VĨNH	NGHĨA	K16XCD2	7		5						5	5.3	Nằm pháy Ba		
45	161217313	ĐINH HỮU	TÂM	K16XCD2	10		5.5						5.5	6.2	Sầu pháy Hai		
46	161217592	PHAN NGỌC	DUY	K16XCD2	10		5						5	5.8	Nằm pháy Tâm		
47	111150390	NGUYỄN VĂN	HOÀI	K16XCD3	0		0						LP	0.0	Khăng		
48	161215136	NGUYỄN ĐỨC	KHÁNH	K16XCD3	10		6.5						6	6.8	Sầu pháy Tâm		
49	161215147	V? THÀNH	NAM	K16XCD3	7		5						LP	0.0	Khăng		
50	161215149	NGUYỄN VĂN	NHÀN	K16XCD3	0		0						LP	0.0	Khăng		
51	161215172	TRẦN VĂN	SỰ	K16XCD3	4		4						LP	0.0	Khăng		
52	161215199	LÊ DUY	TRUNG	K16XCD3	10		6						5	6.1	Sầu pháy Mất		
53	161215208	MAI VĂN	TUẦN	K16XCD3	0		0						LP	0.0	Khăng		
54	161215216	BÙI THANH	VIỆT	K16XCD3	10		6.5						5	6.2	Sầu pháy Hai		
55	161216460	NGUYỄN THANH	CÔNG	K16XCD3	10		6						5.5	6.3	Sầu pháy Ba		
56	161216789	ĐẶNG QUỐC	DỪNG	K16XCD3	10		6						V	0.0	Khăng		
57	161217028	LƯU QUANG	HUY	K16XCD3	0		0						LP	0.0	Khăng		
58	161217031	V? XUÂN	TRUNG	K16XCD3	10		5.5						5	5.9	Nằm pháy Chên		
59	161217032	TRỊNH HOÀN	VŨ	K16XCD3	10		5						LP	0.0	Khăng		
60	161217289	NGUYỄN VĂN	QUÍ	K16XCD3	10		5						5.5	6.0	Sầu		
61	161217328	NGUYỄN VĂN	PHÚ	K16XCD3	10		5						LP	0.0	Khăng		
62	161217382	NGUYỄN THANH	HẢI	K16XCD3	0		0						LP	0.0	Khăng		
63	161217508	PHẠM ANH	TUẦN	K16XCD3	5		4						LP	0.0	Khăng		
64	161217595	NGUYỄN NGỌC	QUANG	K16XCD3	10		5.5						5	5.9	Nằm pháy Chên		
65	161217626	NGÔ TẮT	THỌ	K16XCD3	7		5.5						LP	0.0	Khăng		
66	161327399	TRƯƠNG QUANG	THUẬN	K16XCD3	10		5.5						5	5.9	Nằm pháy Chên		
67	161446169	ĐẬU QUỐC	NAM	K16XCD3	4		4						LP	0.0	Khăng		
1	1024	DƯƠNG Đ?NH	HUY	C16XCD	4		4						5.5	4.8	Bầu pháy Tâm		
2	1033	LÊ VĂN	NAM	C16XCD	0		0						V	0.0	Khăng		
3	1036	V? NGUY ỄN HOÀNG	NGUYỄN	C16XCD	0		0						V	0.0	Khăng		
4	0373	ĐÀO THIÊN	KHÁNH	T16XDC	0		0						LP	0.0	Khăng		